

Bản án số: 72/2022/HSST

Ngày: 28/02/2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Hùng.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Thiều Thị Phi Loan
2. Ông Trần Văn Chánh
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Mai Văn Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 60/2022/HSST ngày 27 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2022/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Ngọc T.** Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam.

Sinh năm 1999, tại Đồng Nai.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn T, xã B, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Nơi cư trú: 112A1, tổ 14, khu phố H, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không. Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không. Trình độ học vấn: Lớp 10/12. Con ông Phạm Ngọc Tr, sinh năm 1975 và bà Phan Thị H, sinh năm 1974; Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Ngọc T là người sử dụng trái phép chất ma túy. Khoảng 10 giờ 20 phút ngày 25/8/2021, T điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vario biển số: 93P2-61809 đến khu vực Công viên Long Bình thuộc phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mua của đối tượng Đ (Không rõ lai lịch) 01 gói ma túy tổng hợp (hàng đá) với giá 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng) để sử dụng. Sau đó, T cất giấu gói ma túy trên vào túi xách màu đen rồi bỏ túi xách vào trong cốp xe mô tô biển số: 93P2-61809 đi về.

Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, T điều khiển mô tô biển số: 93P2-61809 (bên trong cốp xe có gói ma túy trên) đến trước hẻm 512, đường Đồng Khởi, khu phố 3, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thì bị Công an phường T, thành phố Biên Hòa kiểm tra, phát hiện bắt quả tang.

- Vật chứng vụ án:

+ 01 gói ny lon hàn kín chứa tinh thể màu trắng được niêm phong có chữ ký của Phạm Ngọc T và hình dấu tròn đỏ của Công an phường T, thành phố Biên Hòa.

+ 01 xe mô tô biển số 93P2-61809 của Phạm Ngọc T sử dụng vào việc phạm tội.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max màu vàng và số tiền 7.220.000đ (Bảy triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng) của Phạm Ngọc T không liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả lại cho T.

Tại Bản kết luận giám định số 1767 ngày 03/9/2021 của Giám định viên Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đồng Nai, kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 8,0437gam, loại Methamphetamine.

Tại cáo trạng số 92/CT-VKSBH-HS ngày 26 tháng 01 năm 2022, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo Phạm Ngọc T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Ngọc T khai nhận hành vi như đã khai tại cơ quan điều tra, công nhận nội dung bản cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự, là đúng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa trình bày luận tội nêu tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo điều khoản và tội danh như đã nêu trên; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo như sau:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Chưa có tiền án, tiền sự (quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự).

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Ngọc T không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì đối với lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng bị cáo đã nhận thức hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Về án phí: Bị cáo Phạm Ngọc T, phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP. Biên Hòa, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và khung hình phạt:

Xét thấy, lời khai của bị cáo Phạm Ngọc T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo đã khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, nội dung biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở xác định:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 25/8/2021, tại trước hẻm số 512, đường Đồng Khởi, khu phố 3, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Phạm Ngọc T có hành vi cất giấu trái phép 8,0437gam ma túy, loại Methamphetamine thì bị Công an phường T, thành phố Biên Hòa kiểm tra, phát hiện bắt quả tang cùng tang vật.

Như vậy, có căn cứ xác định hành vi của bị cáo Phạm Ngọc T đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 249 Bộ luật Hình sự. Khối lượng ma túy bị cáo tàng trữ trái phép là 8,0437gam ma túy, loại Methamphetamine, nên bị cáo đã phạm vào tình tiết định khung trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, như cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân thành phố Biên Hòa đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của mình.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy, là nguyên nhân làm gia tăng những tệ nạn xã hội và tội phạm hình sự; gây tác hại cho sức khỏe và gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự trị an tại địa phương. Bản thân bị cáo cũng đủ nhận thức và biết ma túy là chất gây nghiện có tác hại rất lớn cho người sử dụng và đối với xã hội, bị cáo cũng nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, song với nhu cầu của bản thân mà bị cáo vẫn cố ý vi phạm. Nên cần áp dụng hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và có tác dụng răn đe, đấu tranh phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bản thân bị cáo đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự vào tháng 01/2020 và chưa có tiền án, tiền sự. Nên vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ phần nào khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng trong vụ án:

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu và tiêu hủy số lượng ma túy còn lại sau giám định, được niêm phong trong 01 gói niêm phong số 1767/KLGD-PC09 ngày 06/9/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai.

- 01 xe mô tô hiệu Honda Vario (kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô) mang biển số 93P2-61809 của Phạm Ngọc T sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17/02/2022 và ngày 28/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự TP. Biên Hòa).

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max màu vàng và số tiền 7.220.000đ (Bảy triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng) của Phạm Ngọc T không liên quan đến việc phạm tội, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả lại cho T là phù hợp.

[8] Đối với đối tượng tên Đ (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đã có hành vi bán trái phép chất ma túy cho bị cáo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục điều tra, xác minh, làm rõ xử lý sau.

[9] Về án phí: Bị cáo Phạm Ngọc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Đối với phần trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa tại phiên tòa, xét thấy phù hợp với những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định về vụ án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt: **Phạm Ngọc T 06 (sáu) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù nêu trên.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu và tiêu hủy số lượng ma túy còn lại sau giám định, được niêm phong trong 01 gói niêm phong số 1767/KLGD-PC09 ngày **06/9/2021** của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô hiệu Honda Vario (kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô) mang biển số 93P2-61809 của Phạm Ngọc T là phương tiện đã sử dụng vào việc phạm tội.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17/02/2022 và ngày 28/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự TP. Biên Hòa).

* Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

+ Buộc bị cáo Phạm Ngọc T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

* Về quyền kháng cáo:

Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP Biên Hòa;
- Thi hành án hình sự;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Trại giam TP Biên Hòa;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Văn Hùng

